TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST
Ngày 07-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trường Thắng;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 70, đường số 6, khu H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Mỹ L: Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 88/5 ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 3 năm 2021).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thái Bình, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 176/1 ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thái Bình: Bà Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 88/5 ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 3 năm 2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thảo N là người đại diện cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Phan Thị Mỹ L là chủ cửa hàng mua bán thuốc, thức ăn thủy sản L tại số 176/1 ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vào đầu tháng 4 năm 2018, ông Huỳnh Thanh H có đến cửa hàng của bà L để thỏa thuận mua thuốc, thức ăn nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thỏa thuận bà L cung cấp thuốc, thức ăn theo yêu cầu của ông H, đồng thời ông H cam kết thanh toán đủ tiền thuốc, thức ăn cho bà L khi thu hoạch tôm xong.

Bà L bắt đầu giao thuốc, thức ăn cho ông H cụ thể như sau:

- Ao 1: Bắt đầu giao từ ngày 26 tháng 9 năm 2018 cho đến ngày 19 tháng 11 năm 2019.

- Ao 2: Bắt đầu giao từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 cho đến ngày 23 tháng 8 năm 2019.

- Ao 3: Bắt đầu giao từ ngày 18 tháng 10 năm 2018 cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2019.

- Ao anh Đ: Bắt đầu giao từ ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho đến ngày 03 tháng 9 năm 2019.

Trong thời gian này ông H điện thoại đến cửa hàng đặt hàng. Phía bà L đã giao đầy đủ số lượng thuốc, thức ăn theo yêu cầu. Mỗi lần giao hàng thì ông H hoặc người đứng ao sẽ ký nhận vào hóa đơn.

Sau nhiều lần giao hàng và thu hoạch tôm xong ông H không thanh toán hết công nợ cho bà L và còn nợ lại như sau:

- Ngày 19 tháng 11 năm 2019: Ao 1 còn nợ 148.614.700 đồng. Hai bên ký xác nhận ngày 10 tháng 12 năm 2019.

- Ngày 23 tháng 8 năm 2019: Ao 2 còn nợ 29.907.000 đồng. Hai bên ký xác nhận ngày 07 tháng 9 năm 2019. Đến ngày 18 tháng 10 năm 2019 gửi trả 10.000.000 đồng, ngày 20 tháng 10 năm 2020 gửi trả tiếp 10.000.000 đồng. Hiện ao 2 còn nợ 9.907.000 đồng.

- Ngày 31 tháng 3 năm 2019: Ao 3 còn nợ 20.690.000 đồng. Hai bên ký xác nhận ngày 10 tháng 12 năm 2019.

- Ngày 03 tháng 9 năm 2019: Ao anh Đ còn nợ 22.074.800 đồng. Hai bên ký xác nhận ngày 07 tháng 9 năm 2019. Đến ngày 11 tháng 12 năm 2019 gửi trả 12.074.800 đồng. Hiện ao anh Đ còn nợ 10.000.000 đồng.

Sau ngày 20 tháng 10 năm 2020 thì ông H còn nợ lại 189.481.700 đồng. Ông H nhiều lần hứa trả nhưng không thực hiện.

Nay bà Phan Thị Mỹ L yêu cầu ông Huỳnh Thanh H trả số tiền mua thức ăn còn thiếu là 189.481.700 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ông Huỳnh Thanh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do ông Huỳnh Thanh H vắng mặt tại các phiên họp hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Ông Huỳnh Thanh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Thảo N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về mặt nội dung: Xét thấy việc ông Huỳnh Thanh H có mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với bà Phan Thị Mỹ L và còn nợ lại bà L số tiền 189.481.700 đồng là có thật. Thể hiện qua các phiếu thu, xác nhận công nợ, có ký xác nhận của hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án. Vì vậy xem như ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như các tài liệu, chứng cứ bà L đưa ra. Do đó, bà L yêu cầu ông H trả số tiền 189.481.700 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 189.481.700 đồng.

[3] Về tiền lãi: Bà Phan Thị Mỹ L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L.

Buộc ông Huỳnh Thanh H trả cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền 189.481.700 đồng.

Về tiền lãi: Bà Phan Thị Mỹ L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H phải chịu 9.474.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền 4.737.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0005309 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Khoa